

## Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022

Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**beta-lonone R**

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Cosmetic and oral care chemical, flavoring substance

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam

Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,

33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3824 3833

Số fax: +84 28 3824 3832

Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)

Số fax: +84 28 3824 3832

International emergency number:

Điện thoại: +49 180 2273-112

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
 Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Cảnh báo nguy cơ:

H401

Độc đối với sinh vật thủy sinh.

H411

Độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P273

Tránh thải vào môi trường.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P391

Thu gom tràn đổ.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501

Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

(E)-4-(2,6,6-trimethyl-1-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one

Số CAS: 79-77-6

#### Thành phần nguy hại

(E)-4-(2,6,6-trimethyl-1-cyclohexen-1-yl)-3-buten-2-one

Hàm lượng (W/W):  $\geq 75\%$  -  $\leq$ 

100 %

Số CAS: 79-77-6

Aquatic Acute: Cat. 2

Aquatic Chronic: Cat. 2

| 6,10-dimethylundeca-3,5,9-trien-2-one

Hàm lượng (W/W):  $> 0\%$  -  $< 0.1\%$ 

%

Số CAS: 141-10-6

Skin Corr./Irrit.: Cat. 2

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2B

Skin Sens.: Cat. 1B

Aquatic Acute: Cat. 2

Aquatic Chronic: Cat. 2

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

---

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

bột khô, cacbon dioxide, bọt, Phun nước

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:  
Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).  
Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.  
Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

### Hướng dẫn bảo quản

Nhạy mùi: Cách ly với các chất phát sinh mùi.

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi mát mẻ, thông thoáng tốt

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

### Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Phải chọn biện pháp bảo vệ toàn thân dựa trên mức độ hoạt tính và phơi nhiễm.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc  
Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
 Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu đến vàng nhạt	
Mùi:	mùi hương hoa	
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm	
Giá trị pH:	không áp dụng	
Điểm nóng chảy:	-35 °C (1,013 hPa) Dữ liệu tài liệu.	
Điểm sôi:	267.1 °C (1,013 hPa)	
Điểm chớp cháy:	126 °C	(ISO 2719, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	273 °C	(DIN EN 14522)
Phân hủy do nhiệt:	tương đương 280 °C phản ứng tự phân hủy nhanh	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	tương đương 0.072 hPa (25 °C) Dữ liệu tài liệu.	(được đo lường)
Tỷ trọng:	0.9447 g/cm <sup>3</sup> (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
 Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Tỷ trọng tương đối:	0.9447 (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	0.11 g/l (20 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan dễ dàng	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	4 (25 °C) Dữ liệu tài liệu.	(OECD-Hướng dẫn 117)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 625.1; biểu đồ KOC: 2.8	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	
Tính nhớt, động lực:	11.2 mPa.s (20 °C)	(OECD 114)
	5.04 mPa.s (40 °C)	(OECD 114)
Tính nhớt, động học:	11.8 mm <sup>2</sup> /s (20 °C)	(OECD 114)
	5.43 mm <sup>2</sup> /s (40 °C)	(OECD 114)
Khối lượng mol:	192.30 g/mol	

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:  
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: tương đương 280 °C (DDK (DIN 51007))  
 phản ứng tự phân huỷ nhanh

Những chất cần tránh:  
 Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:  
 Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:  
 Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Tính ổn định hóa học:  
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường phơi nhiễm

#### Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50chuột (miệng): > 4,000 mg/kg

#### Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

#### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:  
Không gây kích ứng da. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:  
Chất không là nguyên nhân gây mẫn cảm da trên con người.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
chuột lang: Không làm mẫn cảm. (tương tự OECD hướng dẫn 406)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

con người: Không làm mẫn cảm. (Human patch test)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Hầu hết các kết quả từ nhiều nghiên cứu hiện hữu cho thấy không có bằng chứng tác dụng gây đột biến. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất.

### **Nguy cơ khi hít vào**

không áp dụng

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 5.09 mg/l, *Pimephales promelas* (EPA 72-1, Chảy qua.)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 4.03 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 22.15 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tĩnh điện)



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Vì sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (30 min) tương đương 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC,P. C, hiếu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Vì sinh vật sống trong đất:

Không có sẵn các dữ liệu.

Thực vật trên cạn:

Không có sẵn các dữ liệu.

Những loài động vật không có vú trên cạn khác:

LD50 > 562 mg/kg,

Không xác định rõ

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ từ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

### **Tính bền và tính biến chất**

Thông tin bị đào thải:

70 - 80 % BOD của ThOD (28 d) (Hướng dẫn OECD 301 F) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Chất dễ dàng phân huỷ sinh học, vì vậy sự thủy phân không được dự kiến sẽ có liên quan.

### **Khả năng tích lũy sinh học**

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Vì có thể có hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow) tích tụ trong các cơ quan.

---

## **13. Thông tin về thải bỏ**

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
 Sản phẩm: **beta-Ionone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID: UN 3082  
 Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (BETA-IONONE)  
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM  
 Nhóm đóng gói: III  
 Mức nguy hiểm về môi trường: Có  
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

### Vận tải đường thủy

IMDG  
 Số UN hoặc số ID: UN 3082  
 Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (BETA-IONONE)  
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM  
 Nhóm đóng gói: III  
 Mức nguy hiểm về môi trường: Có  
 Ô nhiễm hàng hải: CÓ  
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: EmS: F-A; S-F

### Sea transport

IMDG  
 UN number or ID number: UN 3082  
 UN proper shipping name: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (BETA-IONONE)  
 Transport hazard class(es): 9, EHSM  
 Packing group: III  
 Environmental hazards: yes  
 Marine pollutant: YES  
 Special precautions for user: EmS: F-A; S-F

### Vận tải hàng không

IATA/ICAO  
 Số UN hoặc số ID: UN 3082  
 Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (BETA-IONONE)  
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM  
 Nhóm đóng gói: III  
 Mức nguy hiểm về môi trường: Có  
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

### Air transport

IATA/ICAO  
 UN number or ID number: UN 3082  
 UN proper shipping name: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (BETA-IONONE)  
 Transport hazard class(es): 9, EHSM  
 Packing group: III  
 Environmental hazards: yes  
 Special precautions for user: None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022  
Sản phẩm: **beta-lonone R**

Phiên bản: 3.0

(30035178/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

**Thông tin bổ sung**

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 L trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; IATA: A197; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2); 49 CFR: §171.4 (c) (2).

---

## 15. Thông tin về pháp luật

**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

---

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

---

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.